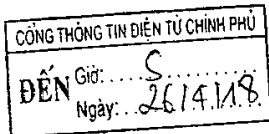


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 890/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 4 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý và Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của

Sở Tư pháp tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-BTP ngày 29/02/2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-BTP ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh An Giang tại Tờ trình số 63/TTr-STP ngày 19 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản

lý và Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi tên thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2846/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh về việc công bố Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *✓*

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện
- Lưu: VT. KSTT.

} qua email

CHỦ TỊCH



Wuông Bình Thạnh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký làm hoà giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.
2	Thôi làm hoà giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Không quy định	Sở Tư pháp	Không quy định	
3	Đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
4	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định	
5	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	15 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	

	này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác				
6	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
8	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
10	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
11	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	
12	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh,	10 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định	

	thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác			
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày	Sở Tư pháp	Không quy định

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Sở Tư pháp	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức

					thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có Quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch
--	--	--	--	--	---